

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Số: 07/2018/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG KHÓA IX KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2374/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết quy định mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Những nội dung và mức chi liên quan đến hỗ trợ dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang không được quy định trong Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn và ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và các xã ngoài Chương trình 135.

a) Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn và ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và các xã ngoài Chương trình 135, trong đó: Ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

b) Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa không quá 03 năm và được ghi rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

c) Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ:

- Dự án trồng trọt: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

- Dự án chăn nuôi: Hỗ trợ giống vật nuôi, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng, máy móc, công cụ sản xuất.

- Dự án lâm nghiệp: Hỗ trợ lần đầu giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

- Dự án nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống thủy sản, thức ăn, vắc xin, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản, ngư cụ đánh bắt.

- Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

d) Mức hỗ trợ dự án

- Tối đa 300 triệu đồng/dự án, trong đó: Hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án, với mức hỗ trợ tối đa là:

+ Hộ nghèo: 15 triệu đồng/hộ.

+ Hộ cận nghèo: 12 triệu đồng/hộ.

+ Hộ mới thoát nghèo: 10 triệu đồng/hộ.

- Mức hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề và dịch vụ: Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, tối đa 50%, nhưng không quá 20 triệu đồng/dự án.

- Mức chi xây dựng và quản lý dự án: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

2. Hỗ trợ truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Đối tượng hỗ trợ: Là hộ nghèo sống tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ phương tiện nghe - xem

- Loại phương tiện: Tivi màu cỡ 32 inch, thiết bị thu tín hiệu truyền hình vệ tinh và cáp nối từ thiết bị thu đến tivi; Radio.

- Hình thức hỗ trợ: Chủ đầu tư cấp phát trực tiếp cho người dân và mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ phương tiện xem: Hỗ trợ tivi màu cỡ 32 inch bao gồm Ăng-ten và cáp nối từ Ăng-ten vào tivi, vận chuyển, lắp đặt. Mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/tivi/01 hộ nghèo.

+ Hỗ trợ phương tiện nghe: Tối đa 500.000 đồng/01 radio/01 hộ nghèo.

c) Hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở (Bảng tin điện tử từ 01 đến 02 mặt hình) tại các trung tâm giao thương để cập nhật, truyền tải, quảng bá kịp thời đến cộng đồng dân cư và khách nước ngoài các thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị của quốc gia, địa phương và cung cấp các thông tin thiết yếu cho xã hội.

Mức chi: 500 triệu đồng/Cụm thông tin cơ sở.

3. Hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã:

a) Các xã: 2.500.000 đồng/đơn vị/năm.

b) Các phường, thị trấn: 2.000.000 đồng/đơn vị/năm.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

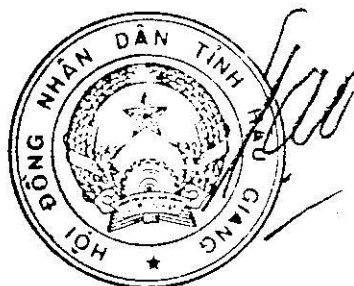
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo